

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:04/2024/DS-ST

Ngày:29/3/2024

(v/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Phiếu, ông Bùi Khắc Thái.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Bùi Ngọc Tạo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thu Hòa– Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2023/TLST- DS ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc: “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST - DS, ngày 06 tháng 3 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: ông Phan Văn T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: thôn L, xã Q, huyện N, tỉnh N.

Bị đơn: ông Phan Văn Th, sinh năm 1970.

Địa chỉ: thôn X, xã Q, huyện N, tỉnh N.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày: tôi và ông Phan Văn Th có quan hệ quen biết nên tôi đã cho ông Th ba lần vay tiền cụ thể: Lần 1 ngày 25/7/2013 tôi cho ông Th vay số tiền 15.000.000 đ(mười lăm triệu đồng) lãi xuất theo thỏa thuận là 1.66%/01 tháng, hạn trả nợ là ngày 25/9/2013, việc vay nợ có lập giấy viết tay. Lần 2 ngày 31/7/2013 tôi cho ông Th vay số tiền 20.000.000 đ(hai mươi triệu đồng) lãi xuất theo thỏa thuận là 1.66%/01 tháng, hạn trả nợ là ngày 31/10/2013, việc vay nợ có lập giấy viết tay. Lần 3 ngày 17/8/2013 tôi cho ông Th vay số tiền 20.000.000 đ(hai mươi triệu đồng) lãi xuất theo thỏa thuận là 1.66%/01 tháng, hạn trả nợ là ngày 15/12/2013, việc vay nợ có lập giấy viết tay. Trong các hợp đồng cho vay chỉ ghi có trả lãi xuất theo thỏa thuận hai bên, không ghi cụ thể mức lãi xuất là bao nhiêu. Theo đơn khởi kiện, ông T đề nghị Tòa án buộc ông Th phải trả cho ông T số tiền gốc đã vay và lãi xuất cụ thể: gốc là 55.000.000 đồng; lãi xuất tạm tính từ 31/7/2013 đến 31/10/2023 là 123 tháng, mức lãi xuất 1,66%/01 tháng, thành tiền lãi là:

55.000.000 đồng x 1,66% x 123 = 112.299.000 đồng; tổng cả gốc và lãi ông Th phải trả tôi là 167.299.000 đồng. Tuy nhiên sau đó tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, ông Phan Văn T đã đồng ý rút phần đề nghị tính lãi, chỉ yêu cầu ông Phan Văn Th phải trả số nợ gốc 55.000.000 đồng.

Tại đơn đề nghị ngày 09/12/2023 và đơn đề nghị ngày 08/01/2024 bị đơn ông Phan Văn Th trình bày: thừa nhận bản thân ông Th có vay của ông Phan Văn T 03 lần tiền cụ thể: Lần 1 ngày 25/7/2013 tôi vay số tiền 15.000.000 đ (mười lăm triệu đồng) hạn trả nợ là ngày 25/9/2013, việc vay nợ có lập giấy viết tay, lần 2 ngày 31/7/2013 tôi vay số tiền 20.000.000 đ (hai mươi triệu đồng) hạn trả nợ là ngày 31/10/2013 và lần 3 ngày 17/8/2013 tôi vay số tiền 20.000.000 đ (hai mươi triệu đồng), hạn trả nợ là ngày 15/12/2013. Tổng số tiền ông Th thừa nhận vay của ông T là 55.000.000 đồng. Ông Phan Văn Th đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu đối với số tiền ông đã vay của ông T, và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông Th.

Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng do ông Phan Văn Th vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm nêu trên.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 2, Điều 184; điểm e, khoản 1, Điều 217; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 155, 429, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xử: Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T về việc buộc ông Phan Văn Th phải thanh toán tiền lãi theo các hợp đồng cho vay tài chính các ngày 25/7/2013, ngày 31/7/2013 và ngày 17/8/2013; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T đối với yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc. Buộc ông Phan Văn Th phải trả cho ông Phan Văn T số tiền nợ gốc là 55.000.000 đồng. Kể từ ngày ông Phan Văn T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Phan Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Phan Văn Th có địa chỉ thôn X, xã Q, huyện N, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện N áp dụng Điều 26; Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là đúng luật định.

[2] Về nội dung: Do các bên trình bày thống nhất nên Tòa án xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng vay tài sản, cụ thể: ông Phan Văn Th có vay của ông Phan Văn Tam 03 lần tiền cụ thể: Lần 1 ngày 25/7/2013 vay số tiền 15.000.000 đ(mười lăm triệu đồng) hạn trả nợ là ngày 25/9/2013, lần 2 ngày 31/7/2013 vay số tiền 20.000.000 đ(hai mươi triệu đồng) hạn trả nợ là ngày 31/10/2013 và lần 3 ngày 17/8/2013 vay số tiền 20.000.000 đ(hai mươi triệu đồng), hạn trả nợ là ngày 15/12/2013, việc vay nợ các lần đều có lập giấy viết tay. Tổng số tiền ông Th vay của ông T là 55.000.000 đồng. Kể từ thời điểm đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 15/12/2013 đến nay, ông Phan Văn Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không trả bất kỳ khoản tiền nào cho ông T dù ông T đã nhiều lần đòi nợ. Như vậy, ngày 21/11/2023, ông Phan Văn T nộp đơn khởi kiện là đã quá 03 năm kể từ thời điểm cuối cùng ông Th không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ dù ông Phan Văn T không gặp trở ngại khách quan nào. Do đó ngày 08/01/2024 ông Phan Văn Th có đơn đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự (BLDS): *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”* thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản đã hết. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 2 Điều 155 BLDS 2015 thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp *“yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác”*. Do vậy Tòa án chỉ áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi của ông Phan Văn T còn đối với các yêu cầu về bảo vệ quyền sở hữu của ông Phan Văn T thì Tòa án không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Đồng thời, tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ông Phan Văn T thể hiện quan điểm nhất trí việc ông Th đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Th trả cho ông T toàn bộ số tiền gốc đã vay là 55.000.000 đồng, phần tiền lãi ông xin rút, không tính nữa. Do đó đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông T đề nghị buộc ông Th phải thanh toán khoản tiền lãi đối với các khoản vay nêu trên cần phải đình chỉ giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm: ông Phan Văn Th phải nộp án phí theo luật định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 184, điểm e khoản 1 Điều 217, các khoản 1, 3 Điều 218, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 244,

273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 155, các Điều 357, 429, 463, 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T. Buộc ông Phan Văn Th phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho ông Phan Văn T tổng số tiền gốc đã vay là 55.000.000 đ (năm mươi lăm triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T về việc buộc ông Phan Văn Th phải thanh toán tiền lãi theo các hợp đồng cho vay tài chính các ngày 25/7/2013, ngày 31/7/2013 và ngày 17/8/2013.

3. Về án phí: ông Phan Văn Th phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.750.000 đồng; ông Phan Văn T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Phan Văn T số tiền 4.182.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai số BLTU/23/0001075 ngày 27/11/2023.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND tỉnh NB;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Quốc